

ĐIỀU TRA CÁC LOÀI RAU LÀM THUỐC PHỔ BIẾN VÀ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG CỦA CHÚNG Ở MỘT SỐ XÃ THUỘC HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

Huỳnh Ngọc Tâm¹, Lê Uyển Thanh² và Ngô Trúc Nhã³

ABSTRACT

Medicinal vegetables in Phu Cuong, Phu Tho, and Phu Ninh communes in Tam Nong district of Dong Thap province are quite extensive. The initial statistical data is about 202 species belonging to 148 genera and 69 families in 2 divisions (Polypodiophyta and Magnoliophyta). The taxons belong to Magnoliophyta are the most diversified with 199 species, 145 genera and 66 families. Polypodiophyta has 3 species, 3 genera, 3 families. Some families have the most member of species such as: Fabaceae, Cucurbitaceae, Asteraceae, Apiaceae, Solanaceae.

Keywords: *Vegetables, Fabaceae, Cucurbitaceae, Asteraceae, Solanaceae, Species, Genera, Families*

Title: *Investigate the popular medicinal vegetables collected from some communes in Tam Nong district of Dong Thap province and their use values*

TÓM TẮT

Cây rau làm thuốc ở 3 xã thuộc huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp bước đầu thống kê được 202 loài thuộc 148 chi và 69 họ thuộc 2 ngành (Polypodiophyta và Magnoliophyta). Các taxon bậc họ, chi, loài thuộc ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) là đa dạng nhất với 199 loài, 145 chi và 66 họ. Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) với 3 loài, 3 chi, 3 họ. Các họ có số lượng loài nhiều nhất là: Fabaceae, Cucurbitaceae, Asteraceae, Apiaceae, Solanaceae.

Từ khóa: *Cây rau, họ đậu, họ bầu bí, họ cúc, họ cà, loài, chi, họ*

1 GIỚI THIỆU

Công tác chăm sóc sức khỏe con người là vấn đề hết sức quan trọng, đặc biệt trong điều kiện hiện nay khi mức sống của người dân được nâng lên thì nhu cầu chăm sóc sức khỏe cần được chú ý. Ngoài việc phòng bệnh thì việc dùng thuốc chữa bệnh là tất yếu. Nhưng khi dùng thuốc thì thuốc Tây được thường để lại một số tác dụng phụ và nếu dùng lâu dài không thể tránh khỏi những biến chứng có hại.

Dân gian có câu “cơm không rau như đau không thuốc”. Điều đó chứng tỏ nhân dân ta đã xác nhận giá trị dinh dưỡng của rau trong đời sống và không thể thiếu trong mỗi bữa ăn hằng ngày. Rau cung cấp cho con người nhiều loại vitamin, nhiều chất khoáng, chất kháng sinh, các axit hữu cơ, protein,... mà các loại thực phẩm khác như: thịt, cá, trứng,... không có hoặc có rất ít.

Các công trình nghiên cứu về “Cây rau làm thuốc” ở vùng Đồng Tháp Mười nói chung và ở Đồng Tháp nói riêng còn rất ít so với nhiều địa phương khác trong

¹ Trường THPT Tràm Chim

² Trường ĐH Đồng Tháp

³ Trường Đại học Vinh

nước. Xuất phát từ lý do đó, trong đề tài nghiên cứu “Điều tra các loài rau làm thuốc phổ biến và giá trị sử dụng của chúng ở một số xã thuộc huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp” của chúng tôi mong bước đầu góp cho tỉnh nhà những số liệu cơ bản làm cơ sở cho những nghiên cứu sau này và góp phần phổ biến công dụng của từng loại rau có giá trị chữa bệnh cho bà con nhân dân nói chung và tỉnh Đồng Tháp nói riêng.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thu mẫu và xử lý mẫu: Tiến hành phỏng vấn người dân và thu mẫu theo “Cẩm nang nghiên cứu đa dạng sinh vật” của Nguyễn Nghĩa Thìn (1997). Công việc này được tiến hành từ tháng 08/2009 đến tháng 06/2010 tại 3 xã: Phú Cường, Phú Thọ, Phú Ninh thuộc huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Xác định tên khoa học: Dựa vào tài liệu của các tác giả sau:

1. Phạm Hoàng Hộ (1991-1993), Cây cỏ Việt Nam, Montreal, 3 tập (6 quyển), NXB trẻ.
2. Võ Văn Chi (2007), Sách tra cứu tên cây cỏ Việt Nam, NXB Giáo dục.
3. Võ Văn Chi (2003), Từ điển cây thuốc Việt Nam, NXB Y học Hà Nội.

Phương pháp xây dựng danh lục: Sắp xếp các họ, chi, loài theo R. K. Brummitt (1992).

3 KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1 Đa dạng về các taxon họ, chi, loài

Bảng 1: Sự phân bố của các taxon bậc họ, chi, loài trong các ngành thực vật

Ngành	Họ		Chi		Loài	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Polypodiophyta	3	4,35	3	2,03	3	1,49
Magnoliophyta	66	95,65	145	97,97	199	98,51
Tổng	69	100,00	148	100,00	202	100,00

Qua số liệu Bảng 1 ta thấy phần lớn các taxon tập trung trong ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) với 66 họ (chiếm 95,65% / tổng số họ điều tra), 145 chi (chiếm 97,97% / tổng số chi điều tra) và 199 loài (chiếm 98,51% / tổng số loài điều tra). Còn ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) chiếm một tỷ lệ rất nhỏ với 3 họ (chiếm 4,35% / tổng số họ điều tra), 3 chi (chiếm 2,03% / tổng số chi điều tra) và 3 loài (chiếm 1,49% / tổng số loài điều tra).

Bảng 2: So sánh các họ có nhiều loài cây rau làm thuốc của 3 xã (1) với họ-loài tương ứng của hệ thực vật Việt Nam (2)

TT	Các họ	Tên Việt Nam	Loài (1)	Loài (2)	Tỷ lệ % (1) và (2)
1	Fabaceae	Họ đậu	17	470	3,62
2	Cucurbitaceae	Họ bầu bí	14	49	28,57
3	Asteraceae	Họ cúc	13	336	3,87
4	Apiaceae	Họ hoa tán	9	25	36,00
5	Solanaceae	Họ cà	9	51	17,65
6	Brassicaceae	Họ cải	8	15	53,33
7	Lamiaceae	Họ hoa môi	8	145	5,52
8	Amaranthaceae	Họ rau dền	6	25	24,00
9	Euphorbiaceae	Họ thầu dầu	5	425	1,18
10	Moraceae	Họ dâu tằm	5	118	4,24
11	Rubiaceae	Họ cà phê	5	400	1,25
12	Poaceae	Họ lúa	5	400	1,25
13	Zingiberaceae	Họ gừng	5	109	4,59
14	Scrophulariaceae	Họ hoa mõm sói	4	128	3,13
15	Alliaceae	Họ hành	4	9	44,44
16	Musaceae	Họ chuối	4	11	36,36

Ghi chú: Số loài (2) theo “Cẩm nang nghiên cứu đa dạng sinh vật” (1997) của Nguyễn Nghĩa Thìn.

Qua số liệu Bảng 2 ta thấy họ có nhiều loài nhất là họ Fabaceae (Họ đậu) với 17 loài (chiếm 3,62%), thứ hai là họ Cucurbitaceae (Họ bầu bí) với 14 loài (chiếm 28,57%), thứ ba là họ Asteraceae (Họ cúc) với 13 loài (chiếm 3,87%), còn lại là những họ có số loài dưới 10 loài. Đây là những họ cây rau làm thuốc được bà con 3 xã Phú Cường, Phú Thọ, Phú Ninh gieo trồng và sử dụng làm rau, làm thuốc nhiều nhất, do những loài này phù hợp với khí hậu, đất đai ở nơi đây nên dễ chăm bón.

Tuy nhiên những họ có số loài ít hơn lại chiếm tỷ lệ % cao hơn trong họ đó của hệ thực vật Việt Nam như: Apiaceae với 9/25 loài (chiếm 36%), Brassicaceae với 8/15 loài (chiếm 53,33%), Alliaceae với 4/9 loài (chiếm 44,44%) và Musaceae với 4/11 loài (chiếm 36,36%). Điều này phản ánh đây là những họ thích hợp với điều kiện khí hậu, đất đai ở nơi đây so với những địa phương khác trong cả nước.

3.2 Đa dạng về dạng thân của cây rau làm thuốc

Bảng 3: So sánh các dạng thân cây rau làm thuốc tại 3 xã của huyện Tam Nông

Dạng thân	Cây thân gỗ	Cây thân thảo	Cây thân bụi	Cây thân leo, bò	Cây thân giả	Tổng
Số lượng loài	29,00	123,00	18,00	28,00	4,00	202
Tỷ lệ %	14,36	60,89	8,91	13,86	1,98	100

Qua số liệu Bảng 3 cho thấy nhóm cây có nhiều loài nhất là cây thân thảo. Nhóm thứ hai là cây thân gỗ. Nhóm thứ ba là cây thân leo, bò. Nhóm thứ tư là cây thân bụi. Nhóm thứ năm chiếm tỷ lệ thấp nhất là cây thân giả.

3.3 Đa dạng về các bộ phận sử dụng

Nhân dân 3 xã của huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp sử dụng tất cả các bộ phận của cây rau để phòng và trị bệnh. Bộ phận được bà con sử dụng nhiều nhất là lá

của cây rau với 103 loài (chiếm 50,99% / tổng số loài điều tra). Lá có thể dùng tươi, giã nhỏ để đắp các vết thương do động vật cắn, mụn nhọt, dùng để tắm chữa lở ngứa ngoài da, hoặc có thể nấu canh, xào, luộc,... nhằm tăng hương vị cho món ăn và kích thích tiêu hóa. Tiếp theo là toàn cây với 68 loài (chiếm 33,66% / tổng số loài điều tra) và quả với 56 loài (chiếm 27,72% / tổng số loài điều tra), ít nhất là nhựa chỉ 3 loài (chiếm 1,49% / tổng số loài điều tra).

3.4 Sự phân bố cây rau làm thuốc theo môi trường sống

Bảng 4: Sự phân bố các cây rau làm thuốc theo môi trường sống

TT	Môi trường sống	Số loài	Tỷ lệ % so với tổng số
1	Cây trồng trong vườn nhà.	137	67,82%
2	Cây trồng ngoài ruộng, đầm lầy.	105	51,98%
3	Cây mọc hoang dại ở ao, hồ, mương, kênh rạch và ven đường đi.	72	35,64%

Số liệu Bảng 4 cho thấy số loài cây rau làm thuốc hầu hết được bà con gieo trồng trong vườn nhà, tiếp đến là nhóm cây trồng ngoài ruộng, đầm lầy. Nhóm cây mọc hoang dại ở ao, hồ, mương, kênh rạch và ven đường đi chiếm số lượng ít hơn.

3.5 Đa dạng về các nhóm bệnh chữa trị

Bảng 5: Đa dạng về các nhóm bệnh chữa bằng cây rau làm thuốc của 3 xã (1) so với tài liệu của Đỗ Tất Lợi (2)

TT	Các nhóm bệnh	Số loài (1)	Số loài (2)	Tỷ lệ % (1) và (2)	Tỷ lệ % so với tổng số
1	Bệnh do thời tiết (cảm cúm, đau đầu,...)	29	108	26,85	14,36
2	Bệnh ngoài da (Mụn, nhọt, ghẻ lở,...)	28	116	24,14	13,86
3	Bệnh về đường hô hấp (ho, viêm phổi,...)	24	106	22,64	11,88
4	Bệnh đường tiêu hóa (tả, lỵ, đầy hơi,...)	23	55	41,82	11,39
5	Bồi bổ cơ thể	13	70	18,57	6,44
6	Bệnh về xương, khớp (đau, thấp, viêm,...)	11	69	15,94	5,45
7	Cầm máu	8	68	11,76	3,96
8	Bệnh về thần kinh (mất ngủ, suy nhược,...)	7	38	18,42	3,47
9	Bệnh đường sinh dục (di tinh, mộng tinh,...)	7	26	26,92	3,47
10	Bệnh phụ nữ (Kinh nguyệt không đều,...)	7	38	18,42	3,47
11	Bệnh về gan, mật (viêm, gan, đau gan,...)	6	86	6,98	2,97
12	Bệnh về tai, mũi, họng (viêm, đau, sưng,...)	6	44	13,64	2,97
13	Trị động vật cắn (Rắn, rết, chó, mèo,...)	6	22	27,27	2,97
14	Bệnh do trúng độc, giải độc,...	5	28	17,86	2,48
15	Trị giun sán các loại	5	28	17,86	2,48
16	Bệnh trẻ em (suy dinh dưỡng, kém ăn,...)	4	13	30,77	1,98
17	Chống nôn mửa	4	27	14,81	1,98
18	Bệnh răng miệng (viêm, đau, sâu răng,...)	4	32	12,50	1,98
19	Bệnh về tim mạch (suy tim, huyết áp,...)	3	12	25,00	1,49
20	Bệnh về mắt (đau mắt đỏ, mắt kém,...)	3	38	7,89	1,49
21	Bệnh thận, bàng quang (sỏi, suy thận,...)	2	9	22,22	0,99

Ghi chú: Số loài (2) theo "Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam" (2009) của Đỗ Tất Lợi.

Số liệu Bảng 5 cho thấy nhân dân 3 xã thuộc huyện Tam nông, tỉnh Đồng Tháp dùng cây rau chữa nhiều nhóm bệnh khác nhau. Trong đó tỷ lệ các cây rau chữa một số bệnh về: thời tiết, bệnh ngoài da, bệnh đường hô hấp, đường tiêu hóa,... chiếm tỷ lệ cao.

4 KẾT LUẬN

- Cây rau làm thuốc ở 3 xã thuộc huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp là khá phong phú, bước đầu thống kê được 202 loài thuộc 148 chi và 69 họ thuộc 2 ngành (Polypodiophyta và Magnoliophyta). Các taxon bậc họ, chi, loài thuộc ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) là đa dạng nhất với 199 loài, 145 chi và 66 họ. Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) với 3 loài, 3 chi, 3 họ. Các họ có số lượng loài nhiều nhất là: Fabaceae, Cucurbitaceae, Asteraceae, Apiaceae, Solanaceae.
- Các loài cây rau làm thuốc điều tra tại 3 xã thuộc huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp nhiều nhất là dạng cây thân thảo với 123 loài (chiếm 60,89% / tổng số loài điều tra). Nhóm thứ hai là cây thân gỗ với 29 loài (chiếm 14,36% / tổng số loài điều tra). Nhóm thứ ba là cây thân leo, bò với 28 loài (chiếm 13,86% / tổng số loài điều tra). Nhóm thứ tư là cây thân bụi với 18 loài (chiếm 8,91% / tổng số loài điều tra). Nhóm chiếm tỷ lệ thấp nhất là cây thân giả với 4 loài (chiếm 1,98% / tổng số loài điều tra).
- Trong các bộ phận của cây rau làm thuốc lá là bộ phận được sử dụng nhiều nhất với 103 loài (chiếm 50,99% / tổng số loài điều tra); tiếp theo là toàn cây với 68 loài (chiếm 33,66% / tổng số loài điều tra) và quả với 56 loài (chiếm 27,72% / tổng số loài điều tra), ít nhất là nhựa chỉ 3 loài (chiếm 1,49% / tổng số loài điều tra).
- Số lượng loài cây rau làm thuốc hầu hết được bà con gieo trồng trong vườn nhà với 137 loài (chiếm 67,82% / tổng số loài điều tra), tiếp đến là nhóm cây trồng ngoài ruộng, đầm lầy với 105 loài (chiếm 51,98% / tổng số loài điều tra). Nhóm cây mọc hoang dại ở ao, hồ, mương, kênh rạch và ven đường đi chiếm số lượng ít với 72 loài (chiếm 35,64%).
- Có 21 nhóm bệnh khác nhau được chữa bằng cây rau làm thuốc ở địa phương. Trong đó nhóm bệnh về: thời tiết, bệnh ngoài da, bệnh đường hô hấp, đường tiêu hóa chiếm tỷ lệ cao. Các bệnh về mắt, tim mạch, thận,... chiếm tỷ lệ thấp nhất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Tiến Bản (1997), Cẩm nang tra cứu và nhận biết các họ thực vật hạt kín ở Việt Nam, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
- Brummitt R. K. (1992), Vascular Plant Families and Genera, Kew, Royal Botanic Gardens.
- Võ Văn Chi (1991), Cây thuốc An Giang, UB KH&KT, NXB An Giang.
- Võ Văn Chi (1998), Cây rau làm thuốc, NXB Đồng Tháp.
- Võ Văn Chi (2003), Từ điển cây thuốc Việt Nam, NXB Y học, Hà Nội.
- Võ Văn Chi (2007), Sách tra cứu tên cây cỏ Việt Nam, NXB Giáo dục.
- Võ Văn Chi (2007), Rau vị thuốc ngay trong món ăn, Báo Khoa học phổ thông, số 90, NXB Tp. Hồ Chí Minh.
- Phạm Hoàng Hộ (1991-1993), Cây cỏ Việt Nam, Montreal, 3 tập (6 quyển), NXB Trẻ.
- Đỗ Tất Lợi (2009), Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam-in lần thứ 15, NXB Y học Hà Nội.
- Nguyễn Nghĩa Thìn (1997), Cẩm nang nghiên cứu đa dạng sinh vật, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.